

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC NỘI THẤT SIGMA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC NỘI THẤT SIGMA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SIGMA VIET NAM ARCHITECTURE INTERIOR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SIGMA VN.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106896650

**3. Ngày thành lập:** 07/07/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 55/92 Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                               | 1610     |
| 2.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                      | 1622     |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663     |
| 4.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4759     |
| 5.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                | 3100     |
| 6.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                        | 4100     |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                    | 4210     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                 | 4220     |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.                                                                                    | 4290     |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);                                                                                                                                                                                                                                              | 4312                                                         |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321                                                         |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322                                                         |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329                                                         |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330                                                         |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;                                                                                                                           | 4649                                                         |
| 17. | Vận tải bằng xe buýt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4920                                                         |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                  | 4931                                                         |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                                                                                                           | 4932                                                         |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4933                                                         |
| 21. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230                                                         |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                 | 8299                                                         |
| 23. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9524                                                         |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (không bao gồm thiết kế công trình)                                                                                                                                                                                                                         | 7410(Chính)                                                  |
| 25. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                        | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VĂN LUẬN  | Xóm 7, Xã Bình Nghĩa, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông | 98.000     | 980.000.000           | 98        | 168350499                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 98.000     | 980.000.000           | 98        |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG THỊ LIÊN | Xóm 7, Xã Bình Nghĩa, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông | 1.000      | 10.000.000            | 1         | 168425531                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 1.000      | 10.000.000            | 1         |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN THỊ HẰNG  | Xóm 7, Xã Bình Nghĩa, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông | 1.000      | 10.000.000            | 1         | 168591735                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 1.000      | 10.000.000            | 1         |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: TRẦN VĂN LUẬN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 20/08/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 168350499

Ngày cấp: 13/03/2008

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Xóm 7, Xã Bình Nghĩa, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 55/92 Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội